

Bản án số: 13/2025/HS-PT
Ngày 11 - 3 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Diệu.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thái Sơn và bà Từ Thị Hải Dương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Đoàn Quang Tiến - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 3 năm 2025, tại phòng xét xử hình sự Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình, mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 140/2024/HS-PT ngày 24 tháng 12 năm 2024 đối với bị cáo Nguyễn Văn S, do có kháng cáo của bị cáo này và kháng cáo của bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 87/2024/HS-ST ngày 21 tháng 11 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

Bị cáo có kháng cáo: Nguyễn Văn S, sinh ngày 10 tháng 7 năm 1990 tại Quảng Bình; nơi cư trú: Tổ dân phố H, thị trấn H, huyện B, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn N (Đã chết) và bà Phan Thị T; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giam từ ngày 11/6/2024 tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Đ, đến ngày 20/7/2024 chuyển đến Trại tạm giam Công an tỉnh Q cho đến nay; có mặt.

Bị hại có kháng cáo: Công ty Cổ phần Đ; địa chỉ: Số D đường L, Tổ dân phố A, phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; Đại diện theo pháp luật: Ông Dương Thanh H - Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc Công ty; có mặt.

Những người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn S: Luật sư Lê Quang H1, thuộc Công ty L - Đoàn Luật sư tỉnh Q và Luật sư Trần Văn T1, thuộc Công ty L1 - Đoàn Luật sư Thành phố H; đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn S là nhân viên của Công ty Cổ phần Đ (viết tắt là Công ty Đ) do ông Dương Thanh H làm Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc. Hai bên ký kết Hợp đồng lao động số: 08/2023/HĐLĐ ngày 01/01/2023 với thời hạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 01/01/2026; nhiệm vụ của Nguyễn Văn S là hàng ngày lái xe ô tô tải BKS 73C-152.24 nhận hàng hóa từ Công ty Đ đi bán hàng, thu tiền bán hàng của khách hàng và nộp lại cho Công ty vào cuối ngày làm việc.

Từ tháng 02/2024 đến tháng 04/2024, lợi dụng nhiệm vụ được giao, Nguyễn Văn S đã nhận hàng từ Công ty Đ, bán hàng và thu tiền bán hàng của các khách hàng trên địa bàn tỉnh Quảng Bình nhưng S không nộp hoặc nộp không đầy đủ tiền cho Công ty, lấy lý do khách hàng đang nợ chưa trả tiền hàng hoặc kê khai hàng hóa thiếu, xin bổ sung tiền sau. Với thủ đoạn đó, S đã chiếm đoạt của Công ty Đ số tiền 167.143.062 đồng rồi Sấu tự ý nghỉ việc. Số tiền chiếm đoạt được của Công ty S1 tiêu xài cá nhân hết. Cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Ngày 08/02/2024, Công ty Đ tiến hành kiểm kê số liệu hàng hóa đã xuất và số tiền bán hàng hóa đã thu, phát hiện Nguyễn Văn S chưa nộp đủ số tiền bán hàng cho Công ty là 26.469.000 đồng. Công ty đã tiến hành lập Biên bản xác nhận công nợ số: 02/24/BBXNCN và cho phép Sấu trích lương hàng tháng để hoàn lại số tiền trên cho Công ty. S mới trả cho Công ty được 15.464.938 đồng, số tiền còn lại là 11.004.062 đồng.

Lần thứ hai: Ngày 15/4/2024, Nguyễn Văn S giao cho tiệm T5, địa chỉ tại xã N, huyện B, tỉnh Quảng Bình do chị Nguyễn Thị T2 làm chủ số hàng hóa gồm bia và nước ngọt trị giá 25.600.000 đồng. 03 ngày sau chị T2 thanh toán đầy đủ bằng tiền mặt cho S, S đã chiếm đoạt số tiền này.

Lần thứ ba: Ngày 16/4/2024, Nguyễn Văn S giao cho tiệm tạp hóa Hoàng Thị C, địa chỉ tại xã H, huyện B, tỉnh Quảng Bình số hàng hóa gồm bia và nước ngọt trị giá 14.385.000 đồng. 03 ngày sau chị C thanh toán đầy đủ bằng tiền mặt cho S, S đã chiếm đoạt số tiền trên.

Lần thứ tư: Ngày 23/4/2024, Nguyễn Văn S giao cho tiệm T6, địa chỉ tại thị trấn N, huyện B, tỉnh Quảng Bình do chị Lê Thị T3 làm chủ số hàng hóa gồm bia và nước ngọt trị giá 24.875.000 đồng. 03 ngày sau, chị T3 thanh toán đầy đủ bằng tiền mặt cho S, S không nộp cho Công ty mà chiếm đoạt số tiền này.

Lần thứ năm: Ngày 24/4/2024, Nguyễn Văn S giao cho tiệm T7, địa chỉ ở xã N, huyện B, tỉnh Quảng Bình do chị Lê Thị T4 làm chủ số hàng hóa gồm bia và nước ngọt trị giá 22.345.000 đồng. Ngày 27/4/2024, S tiếp tục giao cho tiệm T7 số hàng hóa bia và nước ngọt trị giá 25.940.000 đồng. Ngày 28/4/2024, chị T4 thanh toán bằng tiền mặt cho S 13.572.000 đồng và sau đó chuyển khoản 34.713.000 đồng vào tài khoản số 19029478053338 thuộc Ngân hàng TMCP K của S. S đã chiếm đoạt toàn bộ số tiền này.

Lần thứ sáu: Ngày 26/4/2024, Nguyễn Văn S đi giao hàng theo đơn đặt hàng của Công ty cho các cơ sở kinh doanh số hàng hóa trị giá 150.288.000 đồng. Sấu chỉ nộp về cho Công ty số tiền 148.104.000 đồng, chiếm đoạt số tiền 2.184.000 đồng. Ngày 27/4/2024, S tiếp tục giao hàng theo đơn đặt hàng của Công ty cho các cơ sở kinh doanh số hàng hóa trị giá 90.187.000 đồng. Sấu chỉ nộp về cho Công ty số tiền 88.258.000 đồng, chiếm đoạt số tiền 1.929.000 đồng. Ngày 27/4/2024, Công ty T8 doanh thu trong 02 ngày 26 và 27/4/2024, phát hiện S chiếm đoạt tổng số tiền 4.113.000 đồng.

Lần thứ bảy: Ngày 28/4/2024, Nguyễn Văn S đi giao hàng theo đơn đặt hàng của Công ty cho các cơ sở kinh doanh số hàng hóa trị giá 220.482.000 đồng. Sấu chỉ nộp về cho Công ty số tiền 181.601.000 đồng, chiếm đoạt số tiền 38.881.000 đồng.

Công ty Cổ phần Đ trở lại hoạt động sau kỳ nghỉ lễ 30/4 - 1/5/2024 nhưng S không đến làm việc tại Công ty mà tự ý nghỉ việc. Công ty Đ không liên lạc được với S nên ngày 13/5/2024 đã tố cáo hành vi của S đến cơ quan điều tra.

Ngoài ra, Công ty Đ còn tố cáo: ngày 03/5/2024 tiến hành kiểm kê hàng hóa do Sáu phụ trách phát hiện trong quá trình bán hàng, S đã kê khai không đúng thực tế số lượng hàng hóa đã bán ra cho khách hàng (chưa rõ khách hàng do việc bán hàng và thu tiền hàng do Sáu quản lý), chênh lệch số tiền 149.740.000 đồng. Quá trình điều tra, Công ty Đ không cung cấp được tài liệu, hóa đơn, chứng từ chứng minh S chiếm đoạt số tiền này. Sáu chỉ thừa nhận chiếm đoạt của công ty số tiền 167.143.062 đồng. Đối với số tiền 149.740.000 đồng, S cho rằng phía Công ty đã nhầm lẫn trong quá trình kiểm kê hàng hóa.

Phía bị hại - Công ty Đ quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm khẳng định số tiền mà bị cáo Nguyễn Văn S đã chiếm đoạt của Công ty phải là 316.883.062 đồng bao gồm số tiền 167.143.062 đồng bị cáo thừa nhận đã chiếm đoạt và số tiền 149.740.000 đồng bị cáo chiếm đoạt trong quá trình bán hàng đã kê khai không đúng thực tế số lượng hàng hóa đã bán ra cho khách hàng và đề nghị buộc bị cáo bồi thường toàn bộ số tiền đó.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 87/2024/HS-ST ngày 21 tháng 11 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn S phạm tội “Tham ô tài sản”. Áp dụng các điểm c, d khoản 2 Điều 353; các điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự: phạt bị cáo Nguyễn Văn S 07 (bảy) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ là ngày 11/6/2024.

Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 589 Bộ luật Dân sự: buộc bị cáo Nguyễn Văn S phải bồi thường cho Công ty Cổ phần Đ số tiền là 167.143.062 đồng. Bị cáo đã bồi thường số tiền 165.000.000 đồng, còn phải bồi thường tiếp số tiền 2.143.062 đồng.

Ngoài ra Bản án còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 29/11/2024, bị cáo Nguyễn Văn S kháng cáo xin được giảm mức hình phạt.

Ngày 29 tháng 11 năm 2024, Đại diện Công ty Cổ phần Đ kháng cáo yêu cầu tăng hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Văn S và buộc bị cáo bồi thường tiếp số tiền 149.740.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo, bị hại giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình phát biểu quan điểm đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ điểm b khoản 1 điều 355; Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự, áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự: chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn S, giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo từ 06 đến 09 tháng tù.

- Căn cứ điểm a khoản 1 điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự: không chấp nhận kháng cáo của bị hại, giữ nguyên phần quyết định về trách nhiệm dân sự của Bản án hình sự sơ thẩm số: 87/2024/HS-ST ngày 21 tháng 11 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới.

Tranh tụng tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn S và những người bào chữa cho bị cáo nhất trí tội danh, khung hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử đối với bị cáo. Không chấp nhận yêu cầu tăng nặng hình phạt và tăng mức bồi thường thiệt hại của bị hại - Công ty Đ. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ việc bị cáo tại giai đoạn phúc thẩm đã bồi thường hết số tiền còn lại cho bị hại, bị cáo là người bị giảm khả năng lao động, có mẹ già yếu để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Đại diện bị hại cho rằng các tài liệu, chứng cứ đã cung cấp tại cấp phúc thẩm là hợp pháp, có căn cứ, thể hiện rõ hành vi phạm tội và số tiền bị cáo đã chiếm đoạt, vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đề tăng nặng hình phạt và tăng mức bồi thường thiệt hại đối với bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tội danh: Bị cáo Nguyễn Văn S là nhân viên hợp đồng của Công ty Đ, có nhiệm vụ lái xe, giao nhận hàng hóa, thu tiền bán hàng và nộp lại cho Công ty. Tuy nhiên, từ tháng 02/2024 đến tháng 04/2024, S lợi dụng công việc được giao, nhận hàng từ Công ty rồi đi giao hàng, thu tiền của khách hàng nhưng không nộp hoặc nộp không đầy đủ cho Công ty rồi chiếm đoạt số tiền đó để tiêu xài cá nhân. Theo tố cáo của Công ty Đ thì số tiền mà Nguyễn Văn S đã chiếm đoạt của Công ty là 316.883.062 đồng. Tuy nhiên, kết quả điều tra cũng như qua tranh tụng tại phiên tòa thì có căn cứ khẳng định bị cáo Nguyễn Văn S với thủ đoạn trên đã nhiều lần chiếm đoạt của Công ty Đ số tiền 167.143.062 đồng. Tại phiên tòa sơ thẩm cũng như phúc thẩm, bị cáo đều khai nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được, phù hợp với các chứng từ hợp lệ mà phía bị hại cung cấp, do đó, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố bị cáo phạm tội "Tham ô tài sản" theo quy định tại các điểm c, d khoản 2 Điều 353 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn S và kháng cáo của bị hại - Công ty Đ về hình phạt thấy rằng:

Bị cáo Nguyễn Văn S lợi dụng sự quản lý lỏng lẻo của Công ty Đ để thực hiện hành vi chiếm đoạt tiền của Công ty nhiều lần, mỗi lần đều đủ yếu tố cấu thành tội phạm, tổng số tiền bị cáo đã chiếm đoạt là tương đối lớn, hành vi phạm tội của bị cáo là rất nghiêm trọng. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự do bị cáo Nguyễn Văn S đã tích cực tác động gia đình bồi thường gần hết số tiền đã chiếm đoạt cho bị hại; quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Văn S đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, qua đó xử phạt bị cáo mức thấp nhất của khung hình phạt. Vì vậy, mặc dù tại cấp phúc thẩm gia đình bị cáo đã bồi thường tiếp số tiền còn lại 2.143.000 đồng và xuất trình xác nhận của Ủy ban nhân dân thị trấn H, huyện B về việc bị cáo giảm khả năng lao động 57%, nhưng Hội đồng xét xử thấy mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử đối với bị cáo là phù hợp với tính chất, mức độ hậu

quả của hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện, do đó, không có cơ sở để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Do xác định mức hình phạt mà Toà án cấp sơ thẩm đã áp dụng đối với bị cáo Nguyễn Văn S là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo nên kháng cáo đề nghị tăng nặng hình phạt của bị hại đối với bị cáo không được chấp nhận.

[3] Xét kháng cáo của bị hại yêu cầu bị cáo Nguyễn Văn S bồi thường số tiền 316.883.062 đồng, Hội đồng xét xử thấy rằng: Quá trình điều tra, phía bị hại - Công ty Đ đã trực tiếp tham gia đối chiếu, xác nhận chứng từ thừa nhận số liệu điều tra kết luận bị cáo chiếm đoạt 167.143.062 đồng là đúng. Đối với số tiền còn lại 149.740.000 đồng phía bị hại cho rằng bị cáo chiếm đoạt bằng cách kê khai không đúng với thực tế số lượng hàng hoá bán ra cho khách hàng, cụ thể, giá trị số hàng hoá bán ra nhiều hơn so với số tiền bị cáo nộp cho Công ty dẫn đến chênh lệch 149.740.000 đồng. Tuy nhiên, từ giai đoạn xét xử sơ thẩm phía bị hại - Công ty Đ không cung cấp được tài liệu, hoá đơn, chứng từ chứng minh bị cáo Nguyễn Văn S chiếm đoạt số tiền trên; bị cáo không thừa nhận đã chiếm đoạt số tiền đó; các tài liệu phía bị hại cung cấp sau khi xét xử sơ thẩm không có gì mới so với các tài liệu đã thu thập trong giai đoạn điều tra ở cấp sơ thẩm. Vì vậy, không có căn cứ để buộc bị cáo Nguyễn Văn S bồi thường tiếp số tiền 149.740.000 đồng như yêu cầu của bị hại. Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự giữ nguyên phần quyết định về trách nhiệm dân sự của Bản án sơ thẩm.

[4] Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo Nguyễn Văn S phải chịu án phí hình sự phúc thẩm 200.000 đồng; bị hại kháng cáo nhưng không được chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm 300.000 đồng.

[5] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng Hình sự:

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn S xin giảm nhẹ hình phạt và kháng cáo của Công ty Cổ phần Đ đề nghị tăng hình phạt, tăng mức bồi thường thiệt hại đối với bị cáo Nguyễn Văn S. Giữ nguyên quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm số: số 87/2024/HS-ST ngày 21 tháng 11 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình về hình phạt và trách nhiệm dân sự.

2. Căn cứ các điểm c, d khoản 2 Điều 353, Điều 38, Điều 48, các điểm b, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 589 Bộ luật Dân sự, xử:

- Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn S phạm tội “Tham ô tài sản”.
- Về hình phạt: Phạt bị cáo Nguyễn Văn S 07 (bảy) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ là ngày 11/6/2024.

Tiếp tục tạm giam bị cáo Nguyễn Văn S với thời hạn 45 (bốn mươi lăm) ngày theo Quyết định tạm giam của Hội đồng xét xử phúc thẩm.

- Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Văn S phải bồi thường cho Công ty Cổ phần Đ số tiền 167.143.062 đồng (một trăm sáu mươi bảy triệu một trăm bốn mươi ba nghìn không trăm sáu mươi hai đồng). Bị cáo đã bồi thường ở giai đoạn xét xử sơ thẩm số tiền 165.000.000 đồng (một trăm sáu mươi lăm triệu đồng) và bồi thường ở giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm số tiền 2.143.062 đồng (hai triệu một trăm bốn mươi ba nghìn không trăm sáu mươi hai đồng). Như vậy, bị cáo Nguyễn Văn S đã thực hiện xong nghĩa vụ bồi thường cho bị hại - Công ty Cổ phần Đ.

Giao trả số tiền 2.143.062 đồng (hai triệu một trăm bốn mươi ba nghìn không trăm sáu mươi hai đồng) mà gia đình bị cáo Nguyễn Văn S nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình (theo Biên lai thu tiền số: 0005426 ngày 24/01/2025) cho Công ty Cổ phần Đ.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm b khoản 2 điều 23, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Buộc bị cáo Nguyễn Văn S phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự phúc thẩm để sung vào ngân sách Nhà nước.

Buộc Công ty Cổ phần Đ phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự phúc thẩm để sung vào ngân sách Nhà nước.

4. Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số: số 87/2024/HS-ST ngày 21 tháng 11 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Theo khoản 2 Điều 262 BLTTHS;
- Phòng PV 27 - CAQB;
- Vụ GDKT1 TANDTC;
- Cục THADS tỉnh Quảng Bình;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Bình;
- Lưu: HS vụ án, VP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Xuân Diệu